TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thân án số: 225/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trường Huân;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên;

Thư ký ghi biên Thân phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 287/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1971; Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Võ Văn T; sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 02, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà P có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2021 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông Thân tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 1991, có đăng ký kết hôn số 202 năm 2004 tại Ủy ban

nhân dân xã Phú Hữu, huyện A, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến thời giân gần đây ông T ham mê cờ bạc dẫn đến mâu thuẫn gia đình, bà P nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi nên xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Bà và ông Thân đã ly thân khoảng 02 năm nay. Trong thời gian ly thân gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Văn N, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có mặt theo triệu tập của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến của ông T; ông T cũng không gửi văn T trình bày ý kiến. Bà P có yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Theo cung cấp của Công an xã Q tại Biên biên bản xác minh ngày 18/5/2022 được biết, ông Võ Văn T; sinh năm 1972 hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Địa chỉ: Tổ 02, ấp Q, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà P bảo lưu ý kiến. Riêng ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Giang theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân và con chung có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Đối với tài sản chung ông T vắng mặt nếu sau này ông Thân chứng minh về tài sản chung thì sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T. Đồng thời, ông T cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hùng theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà P, ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà Phuong xin ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà P, ông Thân đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Đồng thời gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy mâu thuẫn của bà P, ông T không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà P theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Võ Văn N, sinh năm 1992. Con chung hiện nay đã trưởng thành có khả năng lao động nên không đề cặp giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà P và ông Thân không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Vũ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phuong.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Võ Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 202 ngày 06/12/2004 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Thân án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006657 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà P nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2022), bà P được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của ông T là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt T án hoặc từ ngày Thân án được niêm yết.

Trường hợp Thân án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh AG (1);*
- *VKS tỉnh AG (1);*
- *VKS huyện AP (2);*
- *THADS huyện AP (1);*
- *UBND xã Phú Hữu(1);*
- *Các đương sự (2);*
- *Lưu VP (1);*
- *Lưu HS (1).*

Mai Việt Quốc